

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06 – 7 – 2022

V/v “tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Trung
2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Mai T1, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn T2, huyện T, tỉnh Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Quốc T3, sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 2, xã T4, huyện T, tỉnh Long An.

Bà T1, ông T3 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đỗ Mai T1: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Mai T1 trình bày:

Bà T1 và ông T3 sống chung và có đăng ký kết hôn vào 22/7/2013 tại UBND xã T4, huyện T, tỉnh Long An. Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng

có 02 người con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 08/11/2013 và Ngô Tiến P, sinh ngày 26/12/2016. Sau khi cưới về chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không hòa hợp tính cách, nói chuyện là gây gổ, cãi vã. Hai bên vẫn duy trì cuộc sống vợ chồng nhưng đến năm 2016, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Do đó, bà T1 đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết cho các yêu cầu sau:

- Về hôn nhân: Bà T1 yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Quốc T3.
- Về con chung: Bà T1 xác định bà yêu cầu nuôi dưỡng con chung tên Ngô Tiến P, sinh ngày 26/12/2016; đồng ý giao con chung Ngô Quốc B cho ông T3 nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Yêu cầu, đề nghị của bị đơn – ông Ngô Quốc T3: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Ngô Quốc T3 trình bày:

Ông T3 thống nhất với lời trình bày của bà T1 về thời gian kết hôn, con chung, mâu thuẫn. Tuy nhiên, ông T3 cho rằng mâu thuẫn giữa ông T3 và bà T1 là không lớn và có thể hàn gắn được. Ông T3 vẫn còn thương vợ, con nên mong bà T1 quay về chung sống để chăm lo cho con. Do đó, đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T1 thì ông T3 không đồng ý.

Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ông T3 và bà T1 ly hôn thì ông T3 có ý kiến:

- Về con chung: Ông T3 yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 08/11/2013 và Ngô Tiến P, sinh ngày 26/12/2016. Không yêu cầu bà T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do là bà T1 không có khả năng lo cho cuộc sống và việc học tập của các con, mức lương của bà T1 khoảng 4.500.000 đồng/tháng, chỉ đủ chi phí sinh hoạt cá nhân và đóng tiền trọ; các khoản sinh hoạt và học phí, chi phí học tập của 02 con không được đảm bảo.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông T3 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà T1 và ông T3 chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong thời gian chung sống giữa bà T1 và ông T3 vợ chồng thường xuyên cãi vã, gây gổ do tính tình không hợp nhau, bà T1 và ông T3 đã sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay. Bà T1 xác định tình cảm vợ chồng không còn nên kiên quyết được ly hôn, ông T3 không

đồng ý ly hôn với bà T1 nhưng không đưa ra được giải pháp nào để thuyết phục được tình cảm của bà T1. Xét quan hệ hôn nhân giữa bà T1 và ông T3 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1.

Về con chung: Bà T1 và ông T3 có hai con chung, hai con chung đang sống với bà T1. Bà T1 yêu cầu được nuôi con chung Ngô Tiến P, đồng ý giao con chung Ngô Quốc B cho ông T3 nuôi dưỡng. Ông T3 không đồng ý với đề nghị của bà T1, ông T3 trình bày trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T3 yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung. Xét thấy, cháu Bảo có nguyện vọng sống với ông T3, bà T1 cũng đồng ý giao cháu Bảo cho ông T3 nuôi dưỡng nên cần giao cho ông T3 nuôi dưỡng cháu Bảo là phù hợp với nguyện vọng của cháu Bảo. Ông T3 cho rằng mức lương của bà T1 khoảng 4.500.000 đồng/tháng chỉ đủ chi phí cho sinh hoạt cá nhân, đóng tiền trọ, các khoản sinh hoạt và học phí, chi phí học tập của con chung không đảm bảo. Bà T1 và ông T3 đều là công nhân viên, có thu nhập ổn định. Tuy nhiên, con chung Ngô Tiến P còn nhỏ đang sống ổn định với bà T1, để ổn định về mặt tâm sinh lý và sự phát triển bình thường của cháu cần xem xét để bà T1 tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Phát. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 và ông T3 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T1 và ông T3 xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Bà T1 phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Mai T1 và ông Ngô Quốc T3 có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện T, tỉnh Long An vào năm 2013 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà T1 khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết vấn đề con chung, đây là quan hệ pháp luật được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình, ông T3 cư trú trên địa bàn thuộc huyện Thanh Hoá, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hoá theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân giữa bà Đỗ Mai T1 và ông Ngô Quốc T3:

Các đương sự trình bày thống nhất nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cãi vã. Bà T1 xác định mâu thuẫn giữa bà và ông T3 là không thể hàn gắn được, bà không còn tình cảm với ông T3 nên yêu cầu được ly hôn. Ông T3 không đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà T1 nhưng không đưa ra biện pháp hàn gắn tình cảm thuyết phục, ông T3 cho rằng việc hàn gắn tình cảm giữa ông với bà T1 cần có thời gian, ông T3 không đưa ra được thời gian cụ thể bao lâu. Phía bà T1 cho rằng mâu thuẫn xảy ra kéo dài từ khi chung sống, kết hôn nhưng vợ chồng vẫn duy trì cuộc sống và có 02 con chung, đến tháng 4/2022 thì mâu thuẫn đã không thể hàn gắn được nên vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy, từ khi bà T1 và ông T3 sống ly thân đến nay giữa bà T1 và ông T3 vẫn không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà T1 xác định bà không còn tình cảm với ông T3 và vẫn cương quyết ly hôn.

Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định tình cảm vợ chồng giữa bà T1 và ông T3 không còn, tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T1 đối với ông T3.

[3] Về con chung: Bà T1 và ông T3 thống nhất trình bày vợ chồng có hai con chung tên Ngô Quốc B, sinh ngày 08/11/2013 và Ngô Tiến P, sinh ngày 26/12/2016. Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Ngô Tiến P, sinh ngày 26/12/2016; đồng ý giao con chung Ngô Quốc B cho ông T3 nuôi dưỡng. Ông T3 trình bày, trường hợp Tòa án giải quyết cho ông và bà T1 ly hôn thì ông yêu cầu nuôi dưỡng hai con chung, ông T3 đi làm và có thu nhập ổn định 6.000.000 đồng/tháng nên đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Mức lương của bà T1 khoảng 4.500.000 đồng/tháng, chỉ đủ chi phí sinh hoạt cá nhân, đóng tiền trọ; các khoản sinh hoạt và học phí, chi phí học tập của con chung bà T1 không có khả năng chăm lo.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà T1 đồng ý giao con chung Ngô Quốc B cho ông T3 nuôi dưỡng, cháu Bảo cũng có nguyện vọng được sống với cha nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của bà T1 và ông T3 về việc nuôi dưỡng con chung Ngô Quốc B. Giao con chung Ngô Quốc B cho ông T3 nuôi dưỡng.

Đối với con chung Ngô Tiến P, khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Ngô Tiến P. Xét thấy, bà T1 và ông T3 đều là công nhân viên, có thu nhập ổn định, có điều kiện để nuôi dưỡng con chung như nhau. Cháu Phát sinh ngày 26/12/2016, cháu còn nhỏ và hiện đang sống với bà T1, ông T3 cũng xác định từ khi sinh con đến nay bà T1 chăm lo con rất tốt. Do đó, để ổn định về mặt tâm lý và sự phát triển bình thường của cháu Phát, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà T1 về việc tiếp tục nuôi dưỡng con chung Ngô Tiến P.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà T1 và ông T3 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Đỗ Mai T1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Mai T1 đối với ông Ngô Quốc T3.

1. Về hôn nhân: Cho bà Đỗ Mai T1 được ly hôn với ông Ngô Quốc T3.

2. Về con chung: Bà Đỗ Mai T1 được quyền nuôi dưỡng con chung tên Ngô Tiến P, sinh ngày 26/12/2016. Giao con chung Ngô Quốc B, sinh ngày 08/11/2013 cho ông Ngô Quốc T3 nuôi dưỡng. Bà T1, ông T3 không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các con chung hiện đang sống với bà T1.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí:

Bà Đỗ Mai T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà bà T1 đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010957 ngày 09 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Long An sang thi hành án phí. Bà T1 đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Ngô Quốc T3 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà T1 và ông T3 có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã (thị trấn) nơi đăng ký
kết hôn (để ghi vào Sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật